

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2025/DS-ST.

Ngày: 12-12-2025

V/v tranh chấp nợ hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Chiêu Hùng.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Hồng Phụng

Ông Huỳnh Văn Hiệp

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hồng Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ

Ngày 12 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 94/2025/TLST-DS, ngày 05 tháng 11 năm 2025 về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 341/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Thu V, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp T, xã G, thành phố Cần Thơ; (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Đoàn Hải A, sinh năm 2003; Địa chỉ: ấp X, xã P, thành phố Cần Thơ (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Biện Công N; Địa chỉ: Số nhà D, đường T, xã P, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Trần Quốc K, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp A, xã G, thành phố Cần Thơ; (có mặt)

Bà Lê Mộng D, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp T, xã G, thành phố Cần Thơ; (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/10/2025 cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Đoàn Hải A trình bày: Ngày 15/09/2025 bà Mộng D có thỏa thuận ký giấy nhận nợ với bà Thu V tổng số

tiền còn nợ là 278.400.000 đồng, số tiền này là tiền hui mà trước đây bà D chưa giao cho bà V, khi gom hui có ông K là chồng bà D tham gia. Sau khi ký giấy nợ, bà D cam kết sẽ trả cho bà V mỗi tháng là 10.000.000 đồng, nhưng bà D không thực hiện như đã cam kết, cố tình né tránh không chịu trả nợ cho bà V, tính đến hôm nay bà D và ông K có trả được cho bà V số tiền 5.000.000 đồng.

Nay tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Buộc bà Lê Mộng D và ông Trần Quốc K cùng liên đới trả cho bà Huỳnh Thị Thu V tổng số tiền còn nợ là 273.400.000 đồng (hai trăm bảy mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng), bà V không yêu cầu tính lãi.

Lời trình bày của bị đơn bà Lê Mộng D tại phiên tòa: Bà D thừa nhận còn nợ tiền hui bà V khi chốt nợ hui còn nợ số tiền 278.400.000 đồng và đã trả tiếp được 5.000.000 đồng, hiện còn nợ 273.400.000 đồng, do hoàn cảnh khó khăn và còn phải trả cho nhiều hui viên khác nên yêu cầu mỗi tháng sẽ trả cho bà V 5.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, nếu yêu cầu trả nhiều hơn thì bà D không có khả năng trả nổi.

Lời trình bày của bị đơn ông Trần Quốc K tại phiên tòa: Ông K thừa nhận là vợ ông còn nợ tiền hui bà V, khi chốt nợ hui lại còn nợ số tiền 278.400.000 đồng và đã trả tiếp được 5.000.000 đồng, hiện còn nợ 273.400.000 đồng, do hoàn cảnh khó khăn và gia đình còn phải trả cho nhiều hui viên khác nên đồng ý liên đới cùng vợ là bà Lê Mộng D trả mỗi tháng cho bà V 5.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, nếu yêu cầu trả nhiều hơn thì gia đình không có khả năng trả nổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Khi thụ lý Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp đòi lại tài sản” là chưa chính xác nay Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp nợ hui” cho phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp nợ hui theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn Trần Quốc K có địa chỉ tại ấp A, xã G, thành phố Cần Thơ, bị đơn Lê Mộng D có địa chỉ tại ấp T, xã G, thành phố Cần Thơ nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự đã xác định được như sau:

[3.1] Ngày 15/09/2025 bà Mộng D có thỏa thuận ký giấy nhận nợ với bà Thu V tổng số tiền còn nợ là 278.400.000 đồng, số tiền này là tiền hui mà trước đây bà D chưa giao cho bà V, khi gom hui có ông K là chồng bà D tham gia. Sau khi ký giấy nợ, bà D và ông K có trả được cho bà V số tiền 5.000.000 đồng còn nợ lại số tiền 273.400.000 đồng.

[3.2] Xét về hợp đồng góp hui giữa bà V với bà D là hoàn toàn tự nguyện của hai bên được quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà D và ông K đều thừa nhận, không phản đối, tình tiết nêu trên nguyên đơn không phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.3] Quá trình thực hiện hợp đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: bà V đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của hui viên được quy định tại Điều 16 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biêu, phường. Ngược lại sau khi bà V đóng hui, khi mãn hui thì bà D còn nợ lại bà V 278.400.000 đồng và bà D có viết giấy nhận nợ, sau đó bà D có trả được thêm 5.000.000 đồng cho bà V, còn nợ lại 273.400.000 đồng, như vậy bà D là người vi phạm hợp đồng được quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 20 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biêu, phường.

[3.4] Tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà D và ông K cùng liên đới thanh toán trả số tiền hui còn nợ là 273.400.000 đồng (*Hai trăm bảy mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng*) và không yêu cầu tính lãi đối với số tiền 273.400.000 đồng (*Hai trăm bảy mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng*) là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.5] Tại phiên tòa hôm bị đơn ông Trần Quốc K đồng ý cùng vợ là bà Lê Mộng D cùng liên đới thanh toán trả số tiền hui còn nợ là 273.400.000 đồng (*Hai trăm bảy mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng*) cho bà V là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với yêu cầu trả mỗi tháng 5.000.000 đồng phía đại diện nguyên đơn không đồng ý, vấn đề này sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Huỳnh Thị Thu V có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Lê Mộng D và ông Trần Quốc K cùng liên đới trả lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải cùng liên đới chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân

